

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Số: 0766 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Mơ

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4077-2017-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.529.359	8.230.158
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.535.191	5.039.028
1. Tiền	111		1.535.191	4.205.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	833.545
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.227.478	2.352.509
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	674.212	1.961.471
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	540.523	359.271
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		12.743	43.767
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(12.000)
III. Hàng tồn kho	140	8	731.929	829.257
1. Hàng tồn kho	141		731.929	829.257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.761	9.364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.761	9.364
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.771.421	41.667.667
I. Tài sản cố định	220		35.037.819	36.995.539
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	34.736.448	36.452.486
- Nguyên giá	222		54.236.634	53.788.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.500.186)	(17.335.681)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	301.371	543.053
- Nguyên giá	228		4.480.882	4.480.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.179.511)	(3.937.829)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.009.759	3.860.937
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	4.009.759	3.860.937
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		304.432	391.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		121.587	196.435
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.400
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		182.845	192.945
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		43.300.780	49.897.825

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.200.463	8.672.550
I. Nợ ngắn hạn	310		4.054.930	7.202.490
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	313.577	483.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.380	21.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	206.111	2.064.977
4. Phải trả người lao động	314		467.010	495.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12.690	14.374
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	303.884	1.056.538
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	2.722.278	3.066.543
II. Nợ dài hạn	330		1.145.533	1.470.060
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	1.145.533	1.145.533
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	-	324.527
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.100.317	41.225.275
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	38.100.317	41.225.275
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(9.886.048)	(6.761.090)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(6.761.090)	(7.516.771)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(3.124.958)	755.681
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		43.300.780	49.897.825


Mai Thị Dung
Người lập biểu


Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 3 năm 2020

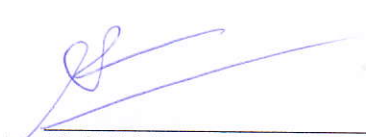
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

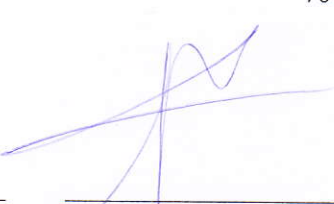
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	10.120.607	12.521.015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		10.120.607	12.521.015
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		10.220.957	9.445.121
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(100.350)	3.075.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	221.883	280.754
7. Chi phí tài chính	22	23	358.687	339.999
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		275.841	280.551
8. Chi phí bán hàng	25	24	877.634	952.513
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.868.593	1.929.596
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(2.983.381)	134.540
11. Thu nhập khác	31	25	30.116	800.797
12. Chi phí khác	32		169.293	164.038
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(139.177)	636.759
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.122.558)	771.299
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	2.400	15.618
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(3.124.958)	755.681
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(0,044)	0,011


Mai Thị Dung
 Người lập biểu


Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(3.122.558)	771.299
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.406.187	2.776.402
Các khoản dự phòng	03	(12.000)	(78.092)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	39.503	48.323
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	-	(3.875)
Chi phí lãi vay	06	275.841	280.551
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(413.027)	3.794.608
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.137.483	(522.901)
Thay đổi hàng tồn kho	10	27.854	(323.102)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.458.369)	(478.174)
Thay đổi chi phí trả trước	12	68.045	57.022
Tiền lãi vay đã trả	14	(272.222)	(280.529)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.910.236)	2.246.924
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(888.570)	(1.439.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(888.570)	(1.439.513)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.246.265	5.473.066
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.931.106)	(5.300.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(684.841)	172.856
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(3.483.647)	980.267
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.039.028	4.093.028
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.190)	(34.267)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.535.191	5.039.028


Mai Thị Dung
 Người lập biểu


Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.308 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.315 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 6 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho	Phương pháp tính giá
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> USD	<u>Số đầu năm</u> USD
Tiền mặt	1.279.589	2.071.915
Tiền gửi ngân hàng	255.602	2.133.568
Các khoản tương đương tiền	-	833.545
	1.535.191	5.039.028

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> USD		<u>Số đầu năm</u> USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	-
	419.411	-	419.411	-

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	USD	USD
Đại lý Long Bay	132.652	1.107.636
Khách đoàn Long Bay	311.711	260.832
Đại lý Hằng Thăng	132.314	-
Ông Liu Chung Chi	-	200.000
Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	-	139.086
Ông Fu Yu Shing	-	100.000
Ông Tang Yu Hua	-	100.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	97.535	53.917
	674.212	1.961.471

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	USD	USD
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	83.606	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	71.874	57.631
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Gia Huy	60.089	53.686
Doanh nghiệp tư nhân Hà Việt	49.929	-
Công ty TNHH Dự Thành	48.768	22.153
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	41.153	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Pentens	32.970	32.970
Công ty TNHH Trang trí nội thất Webort	28.987	37.688
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Đầu tư CPI	-	61.661
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiên Phúc	-	47.401
Khác	123.147	46.081
	540.523	359.271

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	558.238	-	656.252	-
Hàng hóa	173.691	-	173.005	-
	731.929	-	829.257	-

9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	38.566.885	11.731.924	1.155.226	845.428	1.488.704	53.788.167
Tăng do mua sắm	-	163.273	30.276	-	1.657	195.206
Tăng từ XDCB hoàn thành	136.475	116.786	-	-	-	253.261
Số dư cuối năm	38.703.360	12.011.983	1.185.502	845.428	1.490.361	54.236.634
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	7.015.082	7.522.531	689.383	730.056	1.378.629	17.335.681
Khấu hao trong năm	904.947	986.582	125.726	54.909	92.341	2.164.505
Số dư cuối năm	7.920.029	8.509.113	815.109	784.965	1.470.970	19.500.186
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư cuối năm	30.783.331	3.502.870	370.393	60.463	19.391	34.736.448
Số dư đầu năm	31.551.803	4.209.393	465.843	115.372	110.075	36.452.486

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 31.619.510 USD (31 tháng 12 năm 2018: 35.848.806 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 141.396 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 147.137 USD).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.954.150 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.008.006 USD).

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.394.268	86.614	4.480.882
Số dư cuối năm	4.394.268	86.614	4.480.882
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	3.859.197	78.632	3.937.829
Khấu hao trong năm	237.810	3.872	241.682
Số dư cuối năm	4.097.007	82.504	4.179.511
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	297.261	4.110	301.371
Số dư đầu năm	535.071	7.982	543.053

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 75.239 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 61.715 USD).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Số đầu năm	3.860.937	3.003.379
Tăng trong năm	420.677	1.164.545
Kết chuyển sang tài sản cố định	(253.261)	(222.030)
Giảm khác	(18.594)	(84.957)
Số cuối năm	4.009.759	3.860.937

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	1.299.526	1.106.514
+ <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	225.336	138.544
+ <i>Sửa chữa lớn biệt thự</i>	812.376	706.237
+ <i>Dự án mới</i>	261.814	261.733
- Câu lạc bộ	-	197.791
- Nhà đa năng	2.710.233	2.556.632
	4.009.759	3.860.937

(*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 28), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp Tư nhân Khả Thuý	17.814	17.814	17.079	17.079
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đính Nga	16.097	16.097	17.286	17.286
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	7.966	7.966	37.669	37.669
Công ty TNHH Dự Thành	5.512	5.512	86.826	86.826
Phải trả cho các đối tượng khác	266.188	266.188	325.109	325.109
Cộng	313.577	313.577	483.969	483.969

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	529.318	864.785	1.322.463	71.640
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.346	12.346	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.368.595	1.460.951	2.705.363	124.183
Thuế nhập khẩu	-	16.800	16.800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.341	162.276	195.329	10.288
Thuế khác	123.723	99.899	223.622	-
Cộng	2.064.977	2.617.057	4.475.923	206.111

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	62.244	20.203
- Đại lý Thư Lượng	26.880	-
- Đại lý Hàng Thăng	20.251	-
- Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	-	20.203
- Khác	15.113	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	241.640	1.036.335
+ Chip trôi nổi	34.268	121.022
+ Bảo hành xây dựng	95.853	108.348
+ Đại lý Long Bay	34.136	-
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	6.494	6.478
+ Phải trả Công ty TNHH Quốc tế Điều Doanh	-	730.231
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	(354)
+ Khác	70.889	70.610
Cộng	<u>303.884</u>	<u>1.056.538</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.145.533	1.145.533
- Đại lý Long Bay	1.145.533	1.145.533
Cộng	<u>1.145.533</u>	<u>1.145.533</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	-	-	4.990.611	2.683.516	2.307.095	2.307.095
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	2.154.593	2.154.593	2.838.144	4.992.737	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	635.671	635.671	1.437.679	1.658.167	415.183	415.183
Vay dài hạn đến hạn trả	276.279	276.279	-	276.279	-	-
	3.066.543	3.066.543	9.266.434	9.610.699	2.722.278	2.722.278

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25 tháng 6 năm 2019 với hạn mức tín dụng 100 tỷ VND tương đương 4,33 triệu USD (tỷ giá 23.110 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 25 tháng 6 năm 2020. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất 9,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án "Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí" cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 07 tháng 11 năm 2019 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 433 ngàn USD (tỷ giá 23.110 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 07 tháng 11 năm 2020. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Lãi suất của khoản vay được xác định theo tưng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ, trong đó lãi suất của các khoản vay giải ngân trong năm 2019 là 8%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Cầu lạc bộ và khách sạn 5 sao.

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	324.527	324.527	-	324.527	-	-
	324.527	324.527	-	324.527	-	-

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư đầu năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(7.515.271)	40.471.094
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	755.681	755.681
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Số dư cuối năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(6.761.090)	41.225.275
Số dư đầu năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(6.761.090)	41.225.275
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(3.124.958)	(3.124.958)
Số dư cuối năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(9.886.048)	38.100.317

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2018: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối năm		Số đầu năm			
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	%	USD	'000 VND quy đổi
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	22.219.546	369.386.320	52,49
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	1.374.987	22.619.800	3,21
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	1.149.924	18.880.920	2,68
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	1.069.089	17.709.550	2,52
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	16.496.324	275.090.950	39,10
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100	42.309.870	703.687.540	100

18. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	6.261.297.901	5.215.686.869
JMP	102.583	50.641
JYP	70.000	-
AUD	11.600	-
EUR	900	-
HKD	100	5.000
KRW	-	1.200.000
SGD	-	50

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Công ty bao gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Năm nay

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	4.197.404	5.923.203	-	10.120.607
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	902.095	1.722.934	-	2.625.029
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(3.991.373)	1.007.992	-	(2.983.381)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	484.401	291.843	-	776.244
5. Tài sản bộ phận	8.380.465	31.935.479	(15.480.528)	24.835.416
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.465.364
Tổng tài sản	8.380.465	31.935.479	(15.480.528)	43.300.780
7. Nợ phải trả bộ phận	17.772.262	480.260	(15.480.528)	2.771.994
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.428.469
Tổng Nợ phải trả	17.772.262	480.260	(15.480.528)	5.200.463

Năm trước

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	7.743.406	4.777.609	-	12.521.015
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	955.266	1.952.102	-	2.907.368
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	656.900	(522.360)	-	134.540
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	221.580	313.642	-	535.222
5. Tài sản bộ phận	11.111.038	33.029.616	(11.799.605)	32.341.049
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	17.556.776
Tổng tài sản	11.111.038	33.029.616	(11.799.605)	49.897.825
7. Nợ phải trả bộ phận	16.393.857	2.558.418	(11.799.605)	7.152.670
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.519.880
Tổng Nợ phải trả	16.393.857	2.558.418	(11.799.605)	8.672.550

20. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	USD	USD
Doanh thu phòng nghỉ	4.179.041	3.256.834
Doanh thu chip	3.429.375	7.029.448
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	1.485.297	1.257.113
Doanh thu xèng	768.028	713.958
Doanh thu dịch vụ khác	258.866	263.662
	10.120.607	12.521.015

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	656.708	569.916
Chi phí nhân công	7.566.256	6.785.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.406.187	2.776.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	2.338.033	2.195.733
	12.967.184	12.327.230

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.575	62.640
Lãi chênh lệch tỷ giá	89.995	95.554
Doanh thu hoạt động tài chính khác	126.313	122.560
	221.883	280.754

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>USD</u>	<u>Năm trước</u> <u>USD</u>
Chi phí lãi vay	275.841	280.551
Lỗ chênh lệch tỷ giá	82.846	59.448
	<u>358.687</u>	<u>339.999</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>USD</u>	<u>Năm trước</u> <u>USD</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	657.313	627.853
Chi phí dụng cụ sản xuất	18.944	18.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.798	52.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.856	47.223
Các chi phí bằng tiền khác	144.723	206.804
	<u>877.634</u>	<u>952.513</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.318.630	1.427.835
Chi phí dụng cụ sản xuất	18.744	35.357
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.794	55.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.820	142.615
Các chi phí bằng tiền khác	293.605	358.879
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(90.092)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(12.000)	-
	<u>1.868.593</u>	<u>1.929.596</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>USD</u>	<u>Năm trước</u> <u>USD</u>
Ghi giảm các khoản công nợ phải trả (*)	11.753	126.790
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng	1.138	407.893
Thu nhập từ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước	-	166.041
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	3.875
Các khoản thu nhập khác	17.225	96.198
	<u>30.116</u>	<u>800.797</u>

(*) Thể hiện giá trị các khoản phải trả người bán, phải trả tiền bảo hành công trình xây dựng được ghi giảm theo Quyết định của Tổng Giám đốc ngày 30 tháng 6 năm 2019 do công nợ tồn đọng lâu năm và các nhà cung cấp đã ngừng hoạt động.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u> USD	<u>Năm trước</u> USD
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.122.558)	771.299
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác	28.404	192.884
Trừ: Hoàn nhập giá trị chip trôi nổi	58.420	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	133.922	181.341
Cộng: Giá trị chip trôi nổi	-	81.496
Chuyển lỗ	(3.075.460)	841.252
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.400	15.618
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.400	15.618

27. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(3.124.958)	755.681
(Lỗ)/Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(3.124.958)	755.681
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (USD)	(0,044)	0,011

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị đã đầu tư là 2.710.233 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 453.611 USD.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.045.107 USD (31 tháng 12 năm 2018: 1.225.695 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc	76.737	76.043

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 154.424 USD (năm 2018: 353.158 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 507.111 USD (năm 2018: 353.584 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN


Trong quý I năm 2020, dịch COVID-19 ban đầu bùng phát tại Trung Quốc, sau đó lan rộng sang nhiều quốc gia trên thế giới. Công ty đã đánh giá tác động tổng thể của tình hình dịch bệnh đối với toàn bộ hoạt động của Công ty và thực hiện tất cả các biện pháp có thể để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nhân viên và các hoạt động của Công ty. Công ty đang liên tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp. Sự bùng nổ của COVID-19 dự kiến sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu cũng như doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2020, tuy nhiên, Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này tại ngày lập báo cáo này.



Mai Thị Dung
Người lập biểu



Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020